BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH

I. Mô tả chương trình đào tạo

Căn cứ Quyết định số 4225/QĐ-ĐHCT ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc Thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học; Quyết định số 4235/QĐ-ĐHCT ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc thành lập Tổ thư ký và các Tổ điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học, chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Sư phạm Tiếng Anh
Tên chương trình (tiếng Anh)	English Teacher Education
Mã số ngành đào tạo	72140231
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ qui định trong chương trình đào tạo (đạt 141 tín chỉ); điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); - Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10); - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỹ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	- Giáo viên tại các trường phổ thông, các trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, các trung tâm ngoại ngữ; giảng viên các trường cao đẳng và đại học. - Chuyên viên và quản lý ở các trường học, các phòng giáo dục, các cơ sở giáo dục công và tư.

	- Tư vấn viên về Tiếng Anh tại cho các trung tâm, viện nghiên cứu, các trung tâm tư vấn du học, trung tâm ngoại ngữ, v.v. - Làm chuyên viên và cán bộ quản lý ở các trường học, các phòng giáo dục, các sở giáo dục và các cơ sở sản xuất, kinh doanh.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	- Có năng lực học tập suốt đời; có đủ kiến thức để học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ ngành lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh, ngành giáo dục, quản lý giáo dục ở trong và ngoài nước và các ngành có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo; - Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học cấp sơ sở và tham gia đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp cao hơn trong lĩnh vực ngôn ngữ và giáo dục.
Chương trình tham khảo khi xây dựng	- Khung Trình độ quốc gia Việt Nam (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT); Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT); Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT); Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/2014/TT-BTTTT); - Chương trình giáo dục phổ thông mới (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018); Các chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh của các trường Đại học Ngoại ngữ Huế; Đại học Sư phạm ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; - Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đại học của Đại học Sydney (Úc) và các Trường Sư phạm của Hàn Quốc.
Thời gian cập nhật bản mô tả	8/2019

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu đào tạo chung

Chương trình ngành Sư phạm Tiếng Anh trình độ đại học đào tạo những cử nhân có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng các qui định hiện hành, có khả năng giảng dạy Tiếng Anh trong các trường phổ thông, các cơ sở giáo dục khác, làm công tác tư vấn, nghiên cứu, và quản lý chuyên môn ở các trương học, cơ sở đào tạo, các cơ sở quản lý giáo dục, và các doanh nghiệp; có năng lực tự hoc nhằm hoàn thiện bản thân, học tập nâng cao trình độ.

2.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể

Chương trình đào tạo giúp sinh viên

a. Hình thành phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chính trị, và văn hóa của người công dân Việt Nam trung thực, nhân ái, có trách nhiệm, góp phần phát triển và bảo vệ đất nước;

b. Phát triển năng lực chuyên môn Tiếng Anh đạt chuẩn qui định bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, đáp ứng qui định tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

c. Phát triển năng lực nghiệp vụ sư phạm đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên, và yêu cầu đổi mới trong giáo dục Việt Nam và xu thế phát triển giáo dục của thế giới;

d. Hình thành và phát triển năng lực tự học, nghiên cứu khoa học; kỹ năng giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo trong chuyên môn; và khả năng thích ứng với môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo Ngành Sư phạm Tiếng Anh trình độ đại học, sinh viên nắm vững các kiến thức, phát triển những kỹ năng, và thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân như sau:

3.1. Kiến thức

3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Kiến thức về lý luận chính trị, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh; các chủ trương đường lối phát triển kinh tế, xã hội và giáo dục của Việt Nam;

b. Có năng lực ngoại ngữ về tiếng tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

c. Kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin theo qui định hiện hành;

d. Kiến thức về Tiếng Việt, văn hóa Việt, logic học, và tâm lý học, kỹ năng mềm, làm nền tảng cho công tác tự học tập, phát triển phẩm chất và chuyên môn.

3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Kiến thức tổng quát về khoa học giáo dục, các xu hướng giáo dục, công tác giáo dục và dạy học trong nhà trường phổ thông, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, làm nền tảng cho công tác giảng dạy và giáo dục người học;

b. Kiến thức lý luận và phương pháp, kỹ thuật và phương tiện dạy học hiện đại trong dạy học ngoại ngữ; phương pháp nghiên cứu cải tiến, nhằm hướng đến phát triển phẩm chất và năng lực cho người học trong giảng dạy Tiếng Anh;

c. Kiến thức phương pháp phát triển chương trình và tài liệu giảng dạy, kiểm tra và đánh giá, hướng đến phát triển phẩm chất và năng lực cho người học.

3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

a. Kiến thức ngôn ngữ nâng cao về Tiếng Anh và văn hóa Anh-Mỹ để đảm bảo tính chính xác, khoa học, tính hệ thống trong dạy học Tiếng Anh;

b. Kiến thức thiết yếu về khoa học ngôn ngữ và ứng dụng của ngôn ngữ học, viết báo cáo khoa học, làm nền tảng cho công tác giảng dạy, nghiên cứu và phát triển chuyên môn;

c. Kiến thức về các vấn đề chuyên biệt như dạy học phân hóa và tích hợp, quản lý hoạt động dạy và học Tiếng Anh; phát triển năng lực tự học Tiếng Anh cho người học để đáp ứng nhu cầu phục vụ xã hội.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

a. Sử dụng tiếng Anh thành thạo, linh hoạt, hiệu quả trong giao tiếp và trong giảng dạy phù hợp với từng đối tượng, đáp ứng yêu cầu hiện hành;

b. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường

và địa phương; phát triển tài liệu giảng dạy, và quản lý dạy học môn học có tính hệ thống, khoa học và sư phạm;

c. Vận dụng các phương pháp và phương tiện dạy học khác nhau một cách hiệu quả, linh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tế, hướng đến phát triển năng lực Tiếng Anh và khả năng tự chủ và tự học cho người học; tự nghiên cứu và cải tiến phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục;

d. Lập kế hoạch, thiết kế công cụ đánh giá, đánh giá và sử dụng kết quả học tập một cách khoa học và sáng tạo, hướng đến phát triển năng lực Tiếng Anh, phẩm chất và năng lực tự học cho người học, cải tiến quá trình dạy học.

3.2.2. Kỹ năng mềm

a. Sử dụng Tiếng Việt chuẩn mực, thành thạo các phần mềm văn phòng, trình chiếu cơ bản, khai thác và sử dụng Internet, ngoại ngữ 2, nhằm phục vụ các mục đích giao tiếp, học tập, nghiên cứu và phát triển chuyên môn;

b. Lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát quá trình làm việc một cách hiệu quả, sáng tạo trong chuyên môn;

c. Phát hiện và giải quyết được các vấn đề liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, phân tích, tổng hợp, phê phán và trình bày thông tin, kết quả công việc;

d. Phát triển mối quan hệ nhà trường-gia đình-xã hội, nhằm giáo dục đạo đức và lối sống cho học sinh, tạo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

3.3. Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức công dân (tôn trọng pháp luật, yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm);

b. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tận tâm, nhiệt tình, thương yêu và tôn trọng nhân phẩm và ý kiến của học sinh, đối xử công bằng và bình đẳng với học sinh;

c. Chủ động trong công tác và hợp tác với đồng nghiệp, tổ chức và cộng đồng;

d. Sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và nghề giáo, tác phong sinh hoạt mẫu mực, làm tấm gương tốt cho học sinh.

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (1)	Chuẩn đầu ra (2)																															
	Kiến thức (2)												Kỹ năng (3)								Mức độ tự chủ trách nhiệm (4)											
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1)				*Khối kiến thức cơ sở ngành (2.2)*			*Khối kiến thức chuyên ngành (2.3)*					*Kỹ năng cứng (3.1)*				*Kỹ năng mềm (3.2)*				*Tinh thần công dân*				*Đạo đức nghề nghiệp*				*Đạo đức cá nhân*			
	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d
1a	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x												
1b																					x	x	x	x	x	x	x	x				
1c																													x	x		
1d	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																							
			Kiến thức (2.1)										Kỹ năng (2.2)								Mức độ tự chủ trách nhiệm (2.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)				*Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)*			*Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)*			*Kỹ năng cứng (2.2.1)*				*Kỹ năng mềm (2.2.2)*				*Tinh thần công dân*	*Đạo đức nghề nghiệp*	*Tinh thần hợp tác*	*Đạo đức cá nhân*
			a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d
	Khối kiến thức đại cương																							
1	QP010	Giáo dục quốc phòng	x																		x	x	x	x

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																					
			Kiến thức (2.1)										Kỹ năng (2.2)								Mức độ tự chủ trách nhiệm (2.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)				*Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)*			*Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)*			*Kỹ năng cứng (2.2.1)*				*Kỹ năng mềm (2.2.2)*				*Tinh thần công dân*	*Đạo đức nghề nghiệp*	*Tinh thần hợp tác*	*Đạo đức cá nhân*
			a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d
		– An ninh 1 (*)																						
2	QP011	Giáo dục quốc phòng – An ninh 2 (*)	x																		x	x	x	x
3	QP012	Giáo dục quốc phòng – An ninh 3 (*)	x																		x	x	x	x
4	QP013	Giáo dục quốc phòng - An Ninh 4 (*)	x																		x	x	x	x
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	x																		x	x	x	x
6	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)		x													x				x	x	x	x
7	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)		x			x	x						x	x		x			x	x	x	x	x

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																					
			Kiến thức (2.1)										Kỹ năng (2.2)								Mức độ tự chủ trách nhiệm (2.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)				*Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)*			*Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)*			*Kỹ năng cứng (2.2.1)*				*Kỹ năng mềm (2.2.2)*				*Tinh thần công dân*	*Đạo đức nghề nghiệp*	*Tinh thần hợp tác*	*Đạo đức cá nhân*
			a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d
8	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)		x													x				x	x	x	x
9	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)		x													x				x	x	x	x
10	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)		x													x				x	x	x	x
11	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)		x													x				x	x	x	x
12	TN033	Tin học căn bản (*)			x		x						x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
13	TN034	TT. Tin học căn bản (*)			x		x	x	x	x								x	x	x	x	x	x	x
14	ML014	Triết học Mác-Lênin	x						x			x	x		x		x	x			x	x	x	x
15	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x						x			x	x	x	x		x	x			x	x	x	x
16	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x						x			x	x	x	x		x	x			x	x	x	x

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																					
			Kiến thức (2.1)										Kỹ năng (2.2)								Mức độ tự chủ trách nhiệm (2.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)				*Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)*			*Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)*			*Kỹ năng cứng (2.2.1)*				*Kỹ năng mềm (2.2.2)*				*Tinh thần công dân*	*Đạo đức nghề nghiệp*	*Tinh thần hợp tác*	*Đạo đức cá nhân*
			a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d
17	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam																			x	x	x	x
18	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x																		x	x	x	x
19	KL001	Pháp luật đại cương	x																		x	x	x	x
20	ML007	Logic học đại cương			x														x	x	x	x	x	x
21	XH028	Xã hội học đại cương			x													x			x	x	x	x
22	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam			x													x			x	x	x	x
23	XH012	Tiếng Việt thực hành			x													x			x	x	x	x
24	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương			x													x			x	x	x	x
25	KN001	Kỹ năng mềm																x	x	x	x	x	x	x

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																							
			Kiến thức (2.1)										Kỹ năng (2.2)								Mức độ tự chủ trách nhiệm (2.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)				*Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)*			*Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)*			*Kỹ năng cứng (2.2.1)*				*Kỹ năng mềm (2.2.2)*				*Tinh thần công dân*	*Đạo đức nghề nghiệp*	*Tinh thần hợp tác*	*Đạo đức cá nhân*
			a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d
26	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	x															x	x	x	x	x	x	x
27	SP009	Tâm lý học đại cương	x															x	x	x	x	x	x	x
28	SG011	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD&ĐT																			x	x	x	x
	Khối kiến thức cơ sở ngành																							
29	SP010	Tâm lý học sư phạm				x							x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
30	SP0079	Giáo dục học				x							x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
31	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông				x							x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
32	FL258	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giảng				x							x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																					
			Kiến thức (2.1)										Kỹ năng (2.2)								Mức độ tự chủ trách nhiệm (2.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)				*Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)*			*Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)*			*Kỹ năng cứng (2.2.1)*				*Kỹ năng mềm (2.2.2)*				*Tinh thần công dân*	*Đạo đức nghề nghiệp*	*Tinh thần hợp tác*	*Đạo đức cá nhân*
			a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d
		dạy Tiếng Anh																						
33	FL217	Lý luận dạy học ngoại ngữ											x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
34	SG196	Phương pháp dạy học Tiếng Anh					x						x	x	x	x					x	x	x	x
35	FL238	Phát triển chương trình giáo dục ngoại ngữ											x	x	x	x					x	x	x	x
36	FL218	Đánh giá kết quả học tập ngoại ngữ											x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
37	SG200	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Tiếng Anh						x		x			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																					
			Kiến thức (2.1)										Kỹ năng (2.2)								Mức độ tự chủ trách nhiệm (2.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)				*Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)*			*Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)*			*Kỹ năng cứng (2.2.1)*				*Kỹ năng mềm (2.2.2)*				*Tinh thần công dân*	*Đạo đức nghề nghiệp*	*Tinh thần hợp tác*	*Đạo đức cá nhân*
			a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d
38	FL227	Giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ					x	x			x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
39	SG203	Giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ						x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
40	FL234	Nghiên cứu cải tiến giảng dạy Tiếng Anh				x			x				x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
41	FL214	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình chuyên nghiệp						x					x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
42	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững					x						x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
43	SG394	Giáo dục hòa nhập				x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
44	SP597	Kiến tập sư phạm				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
45	SP598	Thực tập Sư phạm				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																							
			Kiến thức (2.1)										Kỹ năng (2.2)								Mức độ tự chủ trách nhiệm (2.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)				*Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)*			*Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)*			*Kỹ năng cứng (2.2.1)*				*Kỹ năng mềm (2.2.2)*				*Tinh thần công dân*	*Đạo đức nghề nghiệp*	*Tinh thần hợp tác*	*Đạo đức cá nhân*
			a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d
	Khối kiến thức chuyên ngành																							
46	FL219	Nghe – Nói B1							x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
47	FL205	Đọc – Viết B1							x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
48	FL220	Nghe – Nói B2.1							x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
49	FL206	Đọc – Viết B2.1							x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
50	FL221	Nghe – Nói B2.2							x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
51	FL207	Đọc – Viết B2.2							x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
52	FL222	Nghe – Nói C1.1							x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
53	FL208	Đọc – Viết C1.1							x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
54	FL224	Nghe – Nói mở rộng C1.2							x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
55	FL210	Đọc – Viết phê bình C1.2							x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
56	SG277	Viết báo cáo khoa học							x	x			x	x	x	x		x	x		x	x	x	x

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																					
			Kiến thức (2.1)										Kỹ năng (2.2)								Mức độ tự chủ trách nhiệm (2.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)				*Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)*			*Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)*			*Kỹ năng cứng (2.2.1)*				*Kỹ năng mềm (2.2.2)*				*Tinh thần công dân*	*Đạo đức nghề nghiệp*	*Tinh thần hợp tác*	*Đạo đức cá nhân*
			a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d
57	SG201	Văn hóa các nước nói Tiếng Anh							x	x								x	x		x	x	x	x
58	SG279	Ngữ pháp cơ bản						x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
59	SG280	Ngữ pháp trung cấp							x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
60	SG281	Ngữ pháp nâng cao							x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
61	SG282	Ngữ âm thực hành cơ bản							x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
62	SG283	Ngữ âm thực hành nâng cao							x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
63	SG284	Âm vị học Tiếng Anh							x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
64	SG285	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai							x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
65	SG286	Ngôn ngữ học dẫn luận						x	x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																					
			Kiến thức (2.1)										Kỹ năng (2.2)								Mức độ tự chủ trách nhiệm (2.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)				*Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)*			*Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)*			*Kỹ năng cứng (2.2.1)*				*Kỹ năng mềm (2.2.2)*				*Tinh thần công dân*	*Đạo đức nghề nghiệp*	*Tinh thần hợp tác*	*Đạo đức cá nhân*
			a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d
66	SG287	Phân tích diễn ngôn trong giảng dạy ngôn ngữ				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
67	SG288	Cú pháp học				x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
68	SP472	Luận văn tốt nghiệp – Tiếng Anh							x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
69	SP471	Tiểu luận tốt nghiệp – Tiếng Anh							x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
70	FL246	Quản lý hoạt động dạy học Tiếng Anh							x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
71	FL256	Tiếp cận các bài thi Tiếng Anh quốc tế							x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
72	FL203	Dạy học các môn khoa học bằng Tiếng Anh							x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)																					
			Kiến thức (2.1)										Kỹ năng (2.2)								Mức độ tự chủ trách nhiệm (2.3)			
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)				*Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)*			*Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)*			*Kỹ năng cứng (2.2.1)*				*Kỹ năng mềm (2.2.2)*				*Tinh thần công dân*	*Đạo đức nghề nghiệp*	*Tinh thần hợp tác*	*Đạo đức cá nhân*
			a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d
73	SG291	Phương pháp dạy Tiếng Anh cho trẻ em							x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
74	FL204	Dạy học Tiếng Anh qua nhiệm vụ và dự án							x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
75	FL240	Phát triển năng lực tự học Tiếng Anh				x							x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x

II. Mô tả chương trình dạy học

Căn cứ Quyết định số 4225/QĐ-ĐHCT ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc Thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học; Quyết định số 4235/QĐ-ĐHCT ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc thành lập Tổ thư ký và các Tổ điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học, chương trình dạy học ngành Sư phạm Tiếng Anh được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa : 141 tín chỉ

Khối kiến thức giáo dục đại cương : 43 tín chỉ (Bắt buộc: 28 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)

Khối kiến thức cơ sở ngành : 35 tín chỉ (Bắt buộc: 33 tín chỉ; Tự chọn: 2 tín chỉ)

Khối kiến thức chuyên ngành : 63 tín chỉ (Bắt buộc: 53 tín chỉ; Tự chọn: 10 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bố trí theo nhóm ngành		
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bố trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III
6	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4		10	60				I,II,III
7	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		I,II,III
8	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		I,II,III
9	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60		FL003		I,II,III
10	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL007		I,II,III
11	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008		I,II,III
12	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III
13	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III
14	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III
15	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III
16	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III
17	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III
18	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
19	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III
20	ML007	Logic học đại cương	2			30				I,II,III
21	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III
22	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I,II,III
23	XH012	Tiếng Việt thực hành	2		2	30				I,II,III
24	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III
25	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I,II,III
26	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III
27	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				I,II,III
28	SG011	Quản lý Hành chính nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30				I,II,III
Cộng: 43 TC (Bắt buộc: 28 TC; Tự chọn: 15 TC)										

Khối kiến thức cơ sở ngành											
29	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009		I,II
30	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010		I,II
31	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	2		15	30			I,II
32	FL258	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy Tiếng Anh	1	1			30			I,II
33	FL217	Lý luận dạy học ngoại ngữ	2	2		30				I,II
34	SG196	Phương pháp dạy học Tiếng Anh	2	2		15	30	FL217		I,II
35	FL238	Phát triển chương trình giáo dục ngoại ngữ	2	2		15	30	FL217		I,II
36	FL218	Đánh giá kết quả học tập ngoại ngữ	2	2		15	30	FL217		I,II
37	SG200	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Tiếng Anh	2	2		15	30	TN034, SG196		I,II
38	FL227	Giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ	3	3		30	30	SG196		I,II
39	SG203	Giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ	3	3		30	30	SG196		I,II
40	FL234	Nghiên cứu cải tiến giảng dạy Tiếng Anh	2	2		15	30			I,II
41	FL214	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình chuyên nghiệp	2	2		30				I,II
42	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2		2	30				I,II
43	SG394	Giáo dục hòa nhập	2			30				I,II
44	SP597	Kiến tập sư phạm	2	2			60	SG196		I
45	SP598	Thực tập Sư phạm	3	3			90	FL227; SG203		II
Cộng: 35 TC (Bắt buộc: 33 TC; Tự chọn: 2 TC)											
Khối kiến thức chuyên ngành											
46	FL219	Nghe - Nói B1	3	3		15	60			I,II
47	FL205	Đọc - Viết B1	3	3		15	60			I,II
48	FL220	Nghe - Nói B2.1	3	3		15	60	FL219		I,II
49	FL206	Đọc - Viết B2.1	3	3		15	60	FL205		I,II
50	FL221	Nghe - Nói B2.2	3	3		15	60	FL220		I,II
51	FL207	Đọc - Viết B2.2	3	3		15	60	FL206		I,II
52	FL222	Nghe - Nói C1.1	3	3		15	60	FL221		I,II
53	FL208	Đọc - Viết C1.1	3	3		15	60	FL207		I,II
54	FL224	Nghe - Nói mở rộng C1.2	2	2		15	30	FL222		I,II
55	FL210	Đọc - Viết phê bình C1.2	2	2		15	30	FL208		I,II
56	SG277	Viết báo cáo khoa học	2	2			60	FL208		I,II
57	SG201	Văn hóa các nước nói Tiếng Anh	2	2		30		FL206		I,II
58	SG279	Ngữ pháp cơ bản	2	2			60			I,II
59	SG280	Ngữ pháp trung cấp	2	2			60	SG279		I,II
60	SG281	Ngữ pháp nâng cao	2	2			60	SG280		I,II
61	SG282	Ngữ âm thực hành cơ bản	2	2			60			I,II
62	SG283	Ngữ âm thực hành nâng cao	2	2			60	SG282		I,II
63	SG284	Âm vị học Tiếng Anh	2	2		30		SG283		I,II
64	SG285	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai	2	2		30		FL207		I,II
65	SG286	Ngôn ngữ học dẫn luận	3	3		45		FL 221, SG281		I,II
66	SG287	Phân tích diễn ngôn trong giảng dạy ngôn ngữ	2	2		30		SG286		I,II
67	SG288	Cú pháp học	2	2		30		SG281		I,II
68	SP472	Luận văn tốt nghiệp - Tiếng Anh	10		10		300	≥ 105TC		I,II
69	SP471	Tiểu luận tốt nghiệp - Tiếng Anh	4				120	≥ 105TC		I,II
70	FL246	Quản lý hoạt động dạy học Tiếng Anh	2			30		FL238		I,II

71	FL256	Tiếp cận các bài thi Tiếng Anh quốc tế	2			30		FL224, FL210		I,II
72	FL203	Dạy học các môn khoa học bằng Tiếng Anh	2			30		SG196		I,II
73	SG291	Phương pháp dạy Tiếng Anh cho trẻ em	3			45		SG196		I,II
74	FL204	Dạy học Tiếng Anh qua nhiệm vụ và dự án	3			45		SG196		I,II
75	FL240	Phát triển năng lực tự học Tiếng Anh	2			30		FL221		I,II
Cộng: 63 TC (Bắt buộc: 53 TC; Tự chọn: 10 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 114 TC; Tự chọn: 27 TC)										

(*): *là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường hoặc học tích lũy.*

3. Kế hoạch dạy học

	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1									
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành	
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30			
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bố trí theo nhóm ngành	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bố trí theo nhóm ngành	
5	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành	
6	SG282	Ngữ âm thực hành cơ bản	2	2			60		
7	SG279	Ngữ pháp cơ bản	2	2			60		
8	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			
		Cộng	**17**	**17**					
Học kỳ 2									
9	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014	
10	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			
11	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		
12	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009	
13	FL219	Nghe - Nói B1	3	3		15	60		
14	FL205	Đọc - Viết B1	3	3		15	60		
15	SG280	Ngữ pháp trung cấp	2	2			60	SG279	
24	FL214	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình chuyên nghiệp	2	2		30			
15	SG283	Ngữ âm thực hành nâng cao	2	2			60	SG282	
		Cộng	**19**	**19**					
HK Hè									
16	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4		4		60		
23	TC100	Giáo dục thể chất 1*	1		1		30		
		Cộng	**5**		**5**				
Học kỳ 3									
17	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
18	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3		3	45		FL001	
19	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010	
20	FL220	Nghe - Nói B2.1	3	3		15	60	FL219	
21	FL206	Đọc - Viết B2.1	3	3		15	60	FL205	
22	SG281	Ngữ pháp nâng cao	2	2			60	SG280	
33	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			
		Cộng	**18**	**15**	**3**				
Học kỳ 4									
25	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
26	FL003	Pháp văn căn bản 3*	3		3	45		FL002	
38	FL217	Lý luận dạy học ngoại ngữ	2	2		30			
28	FL207	Đọc - Viết B2.2	3	3		15	60	FL206	
29	FL221	Nghe - Nói B2.2	3	3		15	60	FL220	
30	SG201	Văn hóa các nước nói Tiếng Anh	2	2		30		FL206	
40	SG284	Âm vị học Tiếng Anh	2	2		30		SG283	
48	SG288	Cú pháp học	2	2		30		SG281	
32	TC100	Giáo dục thể chất 2*	1		1		30		
		Cộng	**20**	**15**	**4**				

HK Hè									
57	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1		30		
58	XH028	Xã hội học đại cương	2		2	30			
59	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2						
60	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
61	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
62	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		
63	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
56	ML007	Logic học đại cương	2			30			
		Cộng	**3**		**3**				
Học kỳ 5									
34	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
35	SP597	Kiến tập sư phạm	2	2			60	SG196	
36	FL222	Nghe - Nói C1.1	3	3		15	60	FL221	
37	FL208	Đọc - Viết C1.1	3	3		15	60	FL207	
39	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	2		15	30		
41	FL258	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy Tiếng Anh	1		1		30		
27	SG196	Phương pháp dạy học Tiếng Anh	2	2		15	30	FL217	
55	SG011	Quản lý Hành chính nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30			
		Cộng	**17**	**16**	**1**				
Học kỳ 6									
42	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2		2	30			
	SG394	Giáo dục hòa nhập	2			30			
51	SG285	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai	2	2		30		FL207	
43	FL238	Phát triển chương trình giáo dục ngoại ngữ	2	2		15	30	FL217	
44	FL218	Đánh giá kết quả học tập ngoại ngữ	2	2		15	30	FL217	
45	FL224	Nghe - Nói mở rộng C1.2	2	2		15	30	FL222	
46	SG277	Viết báo cáo khoa học	2	2			60	FL208	
47	FL227	Giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ	3	3		30	30	SG196	
49	SG200	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Tiếng Anh	2	2		15	30	TN034, SG196	
50	SG286	Ngôn ngữ học dẫn luận	3	3		45		FL 221, SG281	
		Cộng	**20**	**18**	**2**				
Học kỳ 7									
31	SG203	Giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ	3	3		30	30	SG202	
52	FL210	Đọc - Viết phê bình C1.2	2	2		15	30	FL208	
53	SG287	Phân tích diễn ngôn trong giảng dạy ngôn ngữ	2	2		30		SG286	
54	FL234	Nghiên cứu cải tiến giảng dạy Tiếng Anh	2	2		15	30		
64	FL246	Quản lý hoạt động dạy học Tiếng Anh	2		10	30		FL238	*SV tự chọn làm LVTN, TLTN hoặc HP thay thế*
65	FL256	Tiếp cận các bài thi Tiếng Anh quốc tế	2			30		FL224, FL210	
66	FL203	Dạy học các môn khoa học bằng Tiếng Anh	2			30		SG196	
67	SG291	Phương pháp dạy Tiếng Anh cho trẻ em	3			45		SG196	
68	FL204	Dạy học Tiếng Anh qua nhiệm vụ và dự án	3			45		SG196	
69	FL240	Phát triển năng lực tự học Tiếng Anh	2			30		FL221	

72	SP471	Tiểu luận tốt nghiệp - Tiếng Anh	4				120	>= 105 TC	
		Cộng	**19**	**9**	**10**				
Học kỳ 8									
70	SP598	Thực tập Sư phạm	3	3			90	SG202; SG203	
71	SP472	Luận văn tốt nghiệp - Tiếng Anh	10		10		300	>= 105 TC	*SV tự chọn làm LVTN, TLTN hoặc HP thay thế*
Cộng			**3 (13)**	**3**	**10 (0)**				
Tổng			**141**						

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Học phần này đề cập đến những lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Giới thiệu về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Giới thiệu những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng ngắn, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, Phòng chống địch tiến công bằng VKCNC, rèn luyện bản lĩnh, sức khỏe qua các nội dung quân sự, luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị (Cấp trung đội). Rèn luyện kỹ năng chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu trong tiến công, phòng ngự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	1	Học phần này giới thiệu lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	3	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tượng trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để thoàn thành học	Bộ môn Giáo dục Thể chất

				phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1 (TC003), Taekwondo 2 (TC004), Taekwondo 3 (TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự…	
6	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính v.v… Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bản mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản	Khoa Ngoại ngữ
7	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng… của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thich, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai… Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian.v.v.. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
8	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ, v.v… Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoá từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ ... Sau khi học xong học phần, sinh viên cũng sẽ biết cách giải thích, biện luận đơn giản.	Khoa Ngoại ngữ
9	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như giới thiệu các thành viên trong gia đình; làm quen với một người; kể lại những hoạt động thường ngày; miêu tả người, nơi ở; so sánh về số lượng hoặc chất lượng... Ngoài	Khoa Ngoại ngữ

				ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	
10	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Pháp văn tăng cường 2 sẽ cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về thói quen ăn uống, thể thao, việc làm, giáo dục, giao tiếp và giải trí.	Khoa Ngoại ngữ
11	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Pháp văn tăng cường 3 sẽ cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về diễn đạt quan điểm khi nói, nói về những kỉ niệm, những chuyến du lịch, về thói quen, động lực cá nhân, tường thuật lại lời nói của người khác.	Khoa Ngoại ngữ
12	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
13	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử 3 dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
14	ML014	Triết học Mác-Lênin	3	Trong học phần trình này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác-Lênin bao gồm: - Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. - Triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội - Chủ nghĩa duy vật biện chứng - Chủ nghĩa duy vật lịch sử - Học thuyết hình thái kinh tế xã hội - Nhà nước và cách mạng xã hội	Khoa Khoa học Chính trị
15	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác- Lênin, bao gồm: - Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin - Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể	Khoa Khoa học Chính trị

				khi tham gia thị trường - Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường - Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường - Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	
16	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần này trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiên thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Khoa Khoa học Chính trị
17	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Triết học Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính trị
18	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung của học phần tập trung vào một số vấn đề như: Sự ra đời và phát triển của CNXH khoa học, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, CNXH và thời kỳ quá độ lên CHXH, dân chủ XHCN và nhà nước XHCN, các vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH.	Khoa Khoa học Chính trị
19	KL001	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ ngồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái	Khoa Luật

				kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành Bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	
20	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện. 7. Cấu trúc.	Khoa Khoa học Chính trị
21	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
22	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt nam; rèn kĩ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
23	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4, rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
24	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

				tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	
25	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: các nguyên lý chung về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp; các lỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm, đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.	Phòng Công tác sinh viên
26	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thế mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
27	SP009	Tâm lý học đại cương	2	Học phần Tâm lý học đại cương giới thiệu cho sinh viên các vấn đề: Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học; Bản chất hiện tượng tâm lý con người, chức năng và các loại hiện tượng tâm lý người, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Những cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể; Các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, trí nhớ, ngôn ngữ của con người và ứng dụng của các quá trình nhận thức vào trong hoạt động thực tiễn; Khái niệm và bản chất của nhân cách, các thuộc tính tâm lý nhân cách và các con đường hình thành nhân cách; Những sai lệch hành vi về mặt tâm lý trong sự phát triển nhân cách, nguyên nhân và biện pháp khắc phục chúng.	Khoa Sư phạm
28	SG011	Quản lý HCNN và quản lý ngành GD& ĐT	2	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo, giúp người học Nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong nhà trường và trong hoạt động giáo dục. Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nhà nước, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục, từ đó giúp người học ý thức được những chức trách, nhiệm vụ của mình trong quá trình xây dựng nền hành chính tối ưu góp phần nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục. Môn học chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các	Khoa Sư phạm

				kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên.	
29	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	Nội dung học phần tâm lý học sư phạm bao gồm: Những vấn đề cơ bản của tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm; Lý luận về sự phát triển tâm lý lứa tuổi; Đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học cơ sở; Đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học phổ thông; Bản chất của hoạt động dạy và hoạt động học; sự hình thành khái niệm, kỹ năng, kỹ xảo trong dạy học; dạy học và sự phát triển trí tuệ của học sinh; Đạo đức và cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức; các con đường giáo dục đạo đức cho học sinh; đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên, cấu trúc nhân cách của người giáo viên trong nhà trường phổ thông. Những vấn đề cơ bản về giao tiếp sư phạm và nghệ thuật ứng xử sư phạm trong nhà trường phổ thông	Khoa Sư phạm
30	SP079	Giáo dục học	3	Nội dung học phần bao gồm hệ thống kiến thức về chung về giáo dục con người được thể hiện cụ thể qua các nội dung như: Giáo dục học là một khoa học, giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ, các con đường và nguyên lý giáo dục; hệ thống kiến thức chung về dạy học như: Quá trình dạy học, quy luật và nguyên tắc dạy học, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học; hệ thống kiến thức chung về giáo dục hạnh kiểm cho học sinh như: Quá trình giáo dục, nguyên tắc giáo dục, nội dung và phương pháp giáo dục.	Khoa Sư phạm
31	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	Nội dung học phần bao gồm hệ thống kiến thức cơ bản về công tác chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông như: Giáo viên chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông, chức năng của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông, nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông, nội dung và phương pháp công tác chủ nhiệm lớp ở trung học phổ thông; hệ thống kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm ở trung học phổ thông như: Mục tiêu tổ chức hoạt động giáo dục, nội dung và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, phương pháp và phương tiện sử dụng trong tổ chức hoạt động giáo dục, quy trình tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá trong tổ chức hoạt động giáo dục.	Khoa Sư phạm
32	FL258	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong	1	Học phần Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy Tiếng Anh mang đến cho sinh viên sư phạm Anh cơ hội được trải nghiệm những hoạt động đa dạng bên ngoài phạm vi lớp học. Mục tiêu chính của môn học là tạo điều kiện cho sinh viên sử dụng được Tiếng Anh trong môi trường thực tế có gắn với hoạt	Khoa Ngoại ngữ

		giảng dạy tiếng Anh		động giảng dạy Tiếng Anh. Ngoài ra, việc va chạm thực tế với nhu cầu sử dụng Tiếng Anh đa dạng sẽ củng cố tình yêu nghề cũng như tác phong công việc chuyên nghiệp cho sinh viên trong tương lai. Học phần này cũng giúp sinh viên ý thức hơn về triết lý: học để phục vụ cộng đồng.	
33	FL217	Lý luận dạy học Ngoại ngữ	2	Học phần này là một trong những môn cơ sở ngành, cung cấp kiến thức nền tảng về nghiệp vụ sư phạm tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý luận về giảng dạy tiếng Anh, nhằm định hướng cho công tác dạy học có tính khoa học, chuyên nghiệp.	Khoa Ngoại ngữ
34	SG196	Phương pháp dạy học tiếng Anh	2	Học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức về các phương pháp giảng dạy tiếng Anh và các kỹ thuật quản lý lớp học trong dạy học tiếng Anh nói chung và trong môi trường trung học phổ thông nói riêng. Người học có thể phân tích và đánh giá các phương pháp giảng dạy khác nhau; có khả năng ứng dụng các kiến thức đã được học để lập kế hoạch, thiết kế giáo án và tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với môi trường và tài liệu giảng dạy đang được sử dụng ở nhà trường trung học phổ thông.	Khoa Ngoại ngữ
35	FL238	Phát triển chương trình giáo dục ngoại ngữ	2	Học phần này giới thiệu cho người học những kiến thức cơ bản từ lý thuyết đến thực hành trong lĩnh vực PTCT giảng dạy. Học phần cũng chỉ ra mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình, phương pháp thực hiện cũng như nội dung đánh giá liên quan đến lĩnh vực PTCT và phát triển tài liệu giảng dạy.	Khoa Ngoại ngữ
36	FL218	Đánh giá kết quả học tập ngoại ngữ	2	Học phần này nhằm trang bị cho người học cơ sở lí luận về kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học sinh trong quá trình dạy học ở bậc THPT; sinh viên có thể vận dụng kiến thực đã học để xây dựng câu hỏi hoặc thiết kế đề kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học sinh THPT theo nội dung chương trình THPT lớp 10, 11 và 12; biết cách xây dựng tiêu chí để đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh; có thể tự lập kế hoạch chuẩn bị, tổ chức và quản lí việc đánh giá môn học của mình khi dạy học ở trường phổ thông; biết cách phân tích và đánh giá câu hỏi và đề kiểm tra giáo dục, các đức tính cần thiết của người giáo viên trong đánh giá như công tâm, nghiêm minh, bình đẳng, không thiên vị.	Khoa Ngoại ngữ
37	SG200	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy	2	Học phần này là một trong những môn cơ sở ngành, cung cấp kiến thức và kỹ năng công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ cho công tác giảng dạy, kiểm tra đánh giá và phát triển nghiệp vụ sư phạm tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý luận và	Khoa Ngoại ngữ

		học tiếng Anh		kỹ năng thực hành về dạy học tiếng Anh thông qua sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin hiện hành.	
38	FL227	Giảng dạy các yếu tố ngoại ngữ	3	Nội dung chính của khóa học nhằm cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản cùng và các thủ thuật giảng dạy từ vựng, ngữ pháp và ngữ âm tiếng Anh. Người học được hướng dẫn cách thực hiện một giáo án giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ và thực tập giảng dạy trên giáo án do người học thiết kế. Thông qua quá trình tập giảng và quan sát người học phát triển kỹ năng tự đánh giá nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn trong giảng dạy.	Khoa Ngoại ngữ
39	SG203	Giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ	3	Nội dung chính của khóa học này nhằm hướng dẫn người học tìm hiểu và vận dụng các phương pháp và thủ thuật giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh bậc trung học phổ thông. Trong suốt khóa học, người học có cơ hội thực tập giảng dạy dựa trên giáo án mà người học tự thiết kế. Thông qua quá trình quan sát và tập giảng, người học được phát triển năng lực tự đánh giá nhằm nâng cao khả năng chuyên môn trong giảng dạy. Bên cạnh đó, học phần này giúp người học phân tích và nắm bắt được bố cục của những bài giảng kỹ năng thuộc sách giáo khoa được sử dụng trong chương trình tiếng Anh bậc Trung học phổ thông. Từ đó người học biết tự điều chỉnh bài giảng sao cho phù hợp với thực tế giảng dạy.	Khoa Ngoại ngữ
40	FL234	Nghiên cứu cải tiến giảng dạy tiếng Anh	2	Học phần cung cấp kiến thức và khả năng thực hiện một nghiên cứu cải tiến giảng dạy, đặc biệt trong giảng dạy tiếng Anh. Học phần tập trung vào phương pháp tiến hành nghiên cứu cải tiến (action research): xác định Vấn đề cần cải tiến/ nghiên cứu, lập kế hoạch hành động, hành động, quan sát kết quả và báo cáo kết quả.	Khoa Ngoại ngữ
41	FL214	Khả năng giao tiếp và thuyết trình chuyên nghiệp	2	Học phần này giới thiệu với người học về một số vấn đề trong giao tiếp của người giáo viên trong mội trường giảng dạy ở trường phổ thông trung học và cách xử lý các vấn đề trong quá trình giảng dạy. Người học có cơ hội ứng dụng các kiến thức đã được trang bị vào việc giải quyết các vấn đề được đề ra trong quá trình học. Người học còn biết lập kế hoạch và thực hiện quá trình hội họp với học sinh và cha mẹ học sinh. Người học nắm các nguyên tắc cơ bản khi thuyết trình trong môi trường học thuật.	Khoa Ngoại ngữ
42	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2	Học phần cung cấp người học những khái niệm về Giáo dục so sánh; mục đích , nhiệm vụ và đối tượng của Giáo dục so sánh; nguyên tắc nghiên cứu Giáo dục so sánh; cách tiếp cận nghiên cứu so sánh giáo dục; kỹ thuật so sánh giáo dục; so sánh giáo dục Việt Nam với giáo dục một số nước trên thế giới. Khái niệm, mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, mô hình và chỉ	Khoa Sư phạm

				tiêu phát triển bền vững; những mâu thuẫn, thách thức nảy sinh trong quá trình phát triển của thế giới hiện đại; kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển bền vững; định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam; khái niệm, mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục bền vững.	
43	SG394	Giáo dục hòa nhập	2	Nội dung môn học trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát chung về giáo dục hòa nhập bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ của giáo dục hòa nhập, phương pháp nghiên cứu giáo dục hòa nhập, khái niệm giáo dục hòa nhập, tính tất yếu của giáo dục hòa nhập, các phương thức giáo dục trẻ khuyết tật; Phân loại học sinh khuyết tật; Dạy học hòa nhập bao gồm: Yêu cầu trong dạy học hòa nhập, điều chỉnh trong dạy học hòa nhập, thiết kế và thực hiện bài học hòa nhập, đánh giá kết quả dạy học hòa nhập; Hỗ trợ giáo dục hòa nhập bao gồm: nội dung hỗ trợ giáo học hòa nhập, lực lượng hỗ trợ giáo dục hòa nhập.	Khoa Sư phạm
44	SG186	Kiến tập sư phạm Tiếng Anh	2	Kiến tập sư phạm là giai đoạn sinh viên tiếp cận với môi trường giáo dục ở trường phổ thông, mà cụ thể là quan sát, tìm hiểu các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục học sinh cũng như các hoạt động xã hội của nhà trường. Từ đó, bước đầu hình thành tình cảm và ý thức nghề nghiệp cho sinh viên, tích lũy kinh nghiệm chuẩn bị cho giai đoạn thực tập sư phạm. Thời điểm kiến tập sư phạm là học kì I năm thứ ba. Hình thức kiến tập sư phạm là tập trung trong 4 tuần tuần liên tục.	Khoa Sư phạm & Khoa Ngoại ngữ
45	SG187	Thực tập Sư phạm Tiếng Anh	3	Thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên thực hành những kiến thức về các môn khoa học chuyên ngành, kiến thức về khoa học giáo dục đã được học ở trường đại học. Học phần thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên được rèn luyện, thử thách về nhiều mặt: khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tế, năng lực sáng tạo, năng lực tổ chức, quản lí học sinh. Học phần này giúp sinh viên có cơ hội để tham gia vào các hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông, qua đó tiếp tục tăng cường tình cảm và ý thức nghề nghiệp. Thời điểm Thực tập sư phạm là học kỳ 8 năm thứ tư, bắt đầu vào khoảng tháng 01 hàng năm (đầu HK II) và kéo dài 9 tuần liên tục. Hình thức sinh viên đi Thực tập sư phạm là tập trung. Sinh viên được xem là thành viên của trường phổ thông, sẽ chịu sự quản lí, phân công của trường thực tập.	Khoa Sư phạm & Khoa Ngoại ngữ
46	FL219	Nghe - Nói B1	3	Học phần này nhằm xây dựng phát triển kỹ năng nghe - nói cho những sinh viên học ngoại ngữ tiếng Anh muốn đạt sự thành công về học thuật, nghề	Khoa Ngoại ngữ

				nghiệp và giao tiếp. Mở rộng vốn từ vựng/kiến thức/kỹ năng tư duy phê phán cho sinh viên về các chủ đề trong phạm vi môn học. Xây dựng và phát triển khả năng nghe - nói hỗ trợ sinh viên đạt bậc 3 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.	
47	FL205	Đọc - Viết B1	3	Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên cơ hội để học và thực hành các kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng viết câu, viết đoạn. Mở rộng vốn từ vựng cho sinh viên về các chủ đề thuộc phạm vi môn học. Xây dựng và phát triển khả năng đọc - viết giúp sinh viên đạt bậc 3 (B1) theo KNLNN 6 bậc dành cho Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
48	FL220	Nghe - Nói B2.1	3	Học phần này nhằm xây dựng phát triển kỹ năng nghe - nói cho những sinh viên học ngoại ngữ tiếng Anh muốn đạt sự thành công về học thuật, nghề nghiệp và giao tiếp. Mở rộng vốn từ vựng/kiến thức/kỹ năng tư duy phê phán cho sinh viên về các chủ đề trong phạm vi môn học. 6.3 Xây dựng và phát triển khả năng nghe - nói hỗ trợ sinh viên đạt bậc 4.1 (B4.1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
49	FL206	Đọc - Viết B2.1	3	Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành các kỹ năng đọc hiểu được sử dụng trong hầu hết các lĩnh vực trong xã hội và kỹ năng viết luận kết hợp với sử dụng từ vựng và ngữ pháp phù hợp để đạt được kỹ năng đọc viết tương đương trình độ B2 theo KNLNN 6 bậc ở Việt Nam. Hình thành cho sinh viên những kỹ năng và thái độ làm việc một cách hiệu quả và chuyên nghiệp trong quá trình phát triển nghề nghiệp bản thân.	Khoa Ngoại ngữ
50	FL221	Nghe - Nói B2.2	3	Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, ngữ âm, các chiến thuật giao tiếp cùng với các hoạt động thực hành phần từ vựng và ngữ pháp cần thiết cho việc chia sẻ kinh nghiệm cá nhân, trình bày quan điểm cá nhân, đàm thoại và thuyết trình trong môn học. Các chủ đề nghe và nói xoay quanh các vấn đề có liên quan đến bản thân người học và môi trường xung quanh người học. Học phần này giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe nói tương đương bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
51	FL207	Đọc - Viết B2.2	3	Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên cơ hội để học và thực hành các kỹ năng đọc hiểu được sử dụng trong hầu hết các tình huống giao tiếp xã hội và kỹ năng viết đoạn, viết luận. Mở rộng vốn từ vựng cho sinh viên về các chủ đề thuộc phạm vi môn học. Xây dựng và phát triển khả năng đọc - viết giúp sinh viên đạt bậc 4 (B2) theo KNLNN 6 bậc dành cho Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ

52	FL222	Nghe - Nói C1.1	3	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, ngữ âm, các chiến thuật giao tiếp cùng với các hoạt động thực hành phần từ vựng và ngữ pháp cần thiết cho việc trình bày quan điểm cá nhân, giao tiếp và thuyết trình. Các chủ đề nghe và nói xoay quanh các vấn đề kinh tế, môi trường, sức khỏe, tâm lý và nghệ thuật. Học phần này giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe nói tương đương bậc 5 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	Khoa Ngoại ngữ
53	FL208	Đọc - Viết C1.1	3	Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực hành các kỹ năng đọc hiểu được sử dụng trong hầu hết các lĩnh vực trong xã hội và kỹ năng viết luận kết hợp với sử dụng từ vựng và ngữ pháp phù hợp để đạt được kỹ năng đọc viết tương đương trình độ C1 theo KNLNN 6 bậc ở Việt Nam. Hình thành cho sinh viên những kỹ năng và thái độ làm việc một cách hiệu quả và chuyên nghiệp trong quá trình phát triển nghề nghiệp bản thân.	Khoa Ngoại ngữ
54	FL224	Nghe - Nói mở rộng C1.2	2	Học phần này giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe nói từ bậc 5 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trở lên. Qua môn học, sinh viên có thể khai thác các nguồn học liệu trực tuyến bao gồm TED Talks và các đoạn phim ngắn từ Internet và các kênh truyền hình và kênh phim tài liệu trực tuyến. Mỗi bài dạy được tích hợp nguồn dữ liệu từ nhiều nguồn đa dạng, kết hợp giữa nguồn dữ liệu của giáo viên với nguồn dữ liệu do sinh viên tìm và chia sẻ. Chương trình bao gồm 6 chủ đề được chọn lọc (có thể được cập nhật theo từng năm với từng nhóm sinh viên) bao gồm: giáo dục, công nghệ, môi trường, nghề nghiệp, triết lý và phong cách sống, sức khoẻ, an ninh, quan hệ cá nhân và quốc tế, khủng hoảng kinh tế và chính trị. Tương ứng với mỗi chủ đề, giáo viên sẽ chọn lọc 1 dữ liệu đầu vào (input) là 1 bài thuyết trình. Song song đó, sinh viên (theo nhóm) cũng sẽ chọn lọc 1 bài thuyết trình tương ứng với chủ đề đó và chia sẻ với lớp theo sự hướng dẫn của giáo viên.	Khoa Ngoại ngữ
55	FL210	Đọc - Viết phê bình C1.2	2	Học phần này nhằm giúp sinh viên mở rộng kiến thức và kỹ năng tư duy phê phán hoặc phản biện. Thông qua học phần, sinh viên có thể phát triển khả năng đánh giá thông tin tiếp nhận, trình bày thông tin và lập luận có tính khoa học, thể hiện thái độ khách quan đối với các vấn đề đời sống, xã hội.	Khoa Ngoại ngữ
56	SG277	Viết báo cáo khoa học	2	Học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng viết báo cáo khoa học bao gồm kiến thức và kỹ năng đọc, phân tích và hiểu quy trình viết báo cáo khoa học.	Khoa Ngoại ngữ
57	SG201	Văn hóa các nước	2	Trong bối cảnh hiện nay, vai trò của biên giới vật lí càng bị thu hẹp khiến cho giao tiếp trong đời sống trở thành giao tiếp liên văn hoá. Văn hoá giữ một vai trò	Khoa Ngoại ngữ

		nói Tiếng Anh		quan trọng trong giáo tiếp, ứng xử cũng như trong việc dạy và học ngoại ngữ. Vì vậy, am hiểu các phạm trù văn hoá, tầm quan trọng của văn hoá trong giao tiếp và trong dạy và học tiếng Anh cũng như am hiểu văn hoá của các nước, đặc biệt là nền văn hoá các nước nói tiếng Anh sẽ giúp cho việc dạy và học ngoại ngữ cũng như việc giao tiếp thành công hơn. Môn học này giúp sinh viên có thể hiểu được các phạm trù cơ bản về văn hoá cũng như tầm quan trong của văn hoá trong giao tiếp và trong việc học ngoại ngữ; từ đó có thể giao tiếp liên văn hóa một cách tự tin và tích hợp yếu tố văn hóa trong giảng dạy tiếng Anh.	
58	SG279	Ngữ pháp cơ bản	2	Học phần này nhằm giúp người học hệ thống lại kiến thức ngữ pháp liên quan tới 8 từ loại trong tiếng Anh gồm động từ, danh từ, đại từ, tính từ, trạng từ, giới từ, liên từ, và thán từ. Ngoài ra, người học cũng học về 5 mẫu câu cơ bản và ôn lại 4 kiểu câu theo chức năng gồm câu trần thuật, câu nghi vấn, câu yêu cầu và câu cảm thán.	Khoa Ngoại ngữ
59	SG280	Ngữ pháp trung cấp	2	Học phần này nhằm giúp người học hệ thống lại kiến thức ngữ pháp liên quan tới được các cụm từ trong tiếng Anh được phân loại theo cấu trúc và theo chức năng; các loại mệnh đề; 4 loại câu phân loại theo cấu trúc; và 4 loại lỗi câu thường gặp trong khi viết gồm câu chứa cấu trúc không tương đồng, cụm từ bổ nghĩa đặt sai vị trí hoặc bổ nghĩa không đúng đối tượng, câu chưa hoàn chỉnh, và câu dài lê thê.	Khoa Ngoại ngữ
60	SG281	Ngữ pháp nâng cao	2	Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về các dạng biến đổi câu, các cách diễn giải cụm từ và câu bằng nhiều cách khác nhau nhưng có cùng một nội dung. Từ đó sinh viên có thể vận dụng thành thạo kiến thức đạt được từ học phần Ngữ pháp nâng cao vào kỹ năng viết, kỹ năng nói, hoặc thuyết trình. Ngoài ra, sinh viên còn phải biết cách tổ chức, sắp xếp, phân công công việc khoa học khi làm việc cá nhân hoặc theo nhóm, cũng như trình bày trước lớp một số chủ điểm ngữ pháp có liên quan.	Khoa Ngoại ngữ
61	SG282	Ngữ âm thực hành cơ bản	2	Học phần này nhằm trang bị kiến thức về cách phát các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh, cách sử dụng từ điển, giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc phát âm chuẩn trong công tác dạy và học ngoại ngữ nói riêng và sử dụng ngôn ngữ nói chung. Học phần Ngữ âm căn bản được thiết kế dựa trên nguyên tắc lấy người học làm trung tâm, từ đó lồng ghép việc truyền tải kiến thức với việc huấn luyện kỹ năng sư phạm cho sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh thông qua phương pháp hướng dẫn học tự giác và tự điều chỉnh trong học tập.	Khoa Ngoại ngữ

62	SG283	Ngữ âm thực hành nâng cao	2	Học phần này nhằm trang bị kiến thức về cách điều chỉnh nhịp điệu và sử dụng đúng ngữ điệu khi nói tiếng Anh, giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc nói giọng chuẩn trong công tác dạy và học ngoại ngữ nói riêng và sử dụng ngôn ngữ nói chung. Học phần Ngữ âm nâng cao được thiết kế dựa trên nguyên tắc lấy người học làm trung tâm, từ đó lồng ghép việc truyền tải kiến thức với việc huấn luyện kỹ năng sư phạm cho sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh thông qua phương pháp hướng dẫn học tự giác và tự điều chỉnh trong học tập.	Khoa Ngoại ngữ
63	SG284	Âm vị học Tiếng Anh	2	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về các vấn đề liên quan đến quy luật âm và hệ thống âm trong Tiếng Anh. Với mục tiêu quan trọng nhất là giúp sinh viên nắm rõ các khái niệm về âm vị, người học được yêu cầu tìm hiểu tài liệu trước khi thảo luận trên lớp. Dù học phần này nặng về lí thuyết, phương pháp giảng dạy vẫn tập trung vào việc sinh viên thuyết trình về sự hiểu biết của mình, kết hợp với làm bài tập để hiểu rõ hơn vấn đề. Khác với học phần *Ngữ âm thực hành* chú trọng phát triển khả năng phát âm của sinh viên, học phần *Âm vị học* chuẩn bị những kiến thức nền tảng để sinh viên điều chỉnh và hoàn thiện khả năng phát âm chuẩn Tiếng Anh của mình theo thời gian.	Khoa Ngoại ngữ
64	SG285	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai	2	Học phần này giới thiệu những nguyên lý và nội dung trong chuyên ngành Quá Trình Tiếp Thu Ngôn Ngữ Thứ Hai, bao gồm: con người học / tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai như thế nào, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển này, và đặc điểm tính chất của ngôn ngữ của người học. Đồng thời những nghiên cứu ứng dụng chuyên ngành này vào việc giảng dạy thực tế cũng sẽ được đề cập đến tạo cơ sở cho người học vận dụng vào giảng dạy và nghiên cứu sau này.	Khoa Ngoại ngữ
65	SG286	Ngôn ngữ học dẫn luận	3	Học phần này giới thiệu những lý thuyết và nguyên tắc phân tích ngôn ngữ, bao gồm các chủ đề: bản chất của ngôn ngữ, những khía cạnh của ngôn ngữ như từ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ âm, ngữ dụng, phân tích diễn ngôn, sự phát triển ngôn ngữ, …. Học phần tập trung vào kỹ năng phân tích ngôn ngữ nhằm phục vụ công việc giảng dạy và nghiên cứu sau này.	Khoa Ngoại ngữ
66	SG287	Phân tích diễn ngôn trong giảng dạy ngôn ngữ	2	Học phần này nhằm trang bị cho người học một số khái niệm cơ bản về Phân Tích Diễn Ngôn, bao gồm mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành tố ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, đặc điểm tính chất của văn nói và văn viết một số khái niệm cơ bản về Ngữ dụng học: lý thuyết hành vi ngôn ngữ, hàm ngôn hội thoại, phương châm hội thoại. Ứng	Khoa Ngoại ngữ

				dụng của ngữ dụng học và phân tích diễn ngôn vào các lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng khác như: giảng dạy ngoại ngữ, phiên dịch, luật, kỹ năng giao tiếp nơi công sở....	
67	SG288	Cú pháp học	2	Học phần này giới thiệu những lý thuyết và nguyên tắc phân tích cấu trúc tiếng Anh, bao gồm các chủ đề: ngữ pháp tạo sinh, thuyết ràng buộc, thuyết thanh chắn X, từ loại, thành tố cấu trúc câu, các mối quan hệ cấu trúc câu, và sự chuyển dịch. Học phần tập trung vào kỹ năng phân tích cấu trúc câu trong tiếng Anh nhằm phát triển kỹ năng phân tích ngôn ngữ của sinh viên phục vụ công việc giảng dạy và nghiên cứu sau này.	Khoa Ngoại ngữ
68	SP472	Luận văn tốt nghiệp - Tiếng Anh	10	Luận văn tốt nghiệp là học phần tự chọn thay thế tốt nghiệp, qua đó sinh viên thực hiện một công trình khoa học quan trọng, có cơ hội phát triển kỹ năng tổng hợp những kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy tiếng Anh.	Khoa Ngoại ngữ
69	SP471	Tiểu luận tốt nghiệp - Tiếng Anh	4	Học phần tiểu luận tốt nghiệp giúp sinh viên hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thực tế giảng dạy tiếng Anh.	Khoa Ngoại ngữ
70	FL246	Quản lý hoạt động dạy học Tiếng Anh	2	Học phần này trang bị các kiến thức nền tảng và kỹ năng về quản lý giúp sinh viên ngành sư phạm Anh sau khi ra trường có khả năng quản lý một cách hiệu quả các hoạt động dạy học tiếng Anh ở các cơ sở giáo dục, bắt kịp với xu hướng giảng dạy khoa học và ngôn ngữ của thế giới trong thế kỷ 21. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên khả năng phân tích, kỹ năng giải quyết vấn đề và định hướng các hoạt động quản lý việc dạy học tại cơ sở giáo dục.	Khoa Ngoại ngữ
71	FL256	Tiếp cận các bài thi Tiếng Anh quốc tế	2	Học phần giúp sinh viên hiểu rõ một số vấn đề then chốt (như giá trị sử dụng kết quả thi, hình thức, quy định về kiến thức, kỹ năng; những chiến lược luyện thi và làm bài thi, những tài luyện thi,…) đối với các loại hình thi Tiếng Anh quốc tế phổ biến như IELTS (International English Language Testing System), TOEFL iBT (Test of English as a Foreign Language – Internet Based Test), TOEIC (Test of English for International Communication); và thiết kế chương trình tự luyện thi và dạy luyện thi ngắn hạn và dài hạn.	Khoa Ngoại ngữ
72	FL203	Dạy học các môn khoa học bằng	2	Học phần này trang bị các kiến thức nền tảng và kỹ năng sư phạm giúp sinh viên ngành sư phạm Anh tự tin trong việc giảng dạy các môn khoa học ở các cấp bậc phổ thông bằng Tiếng Anh hiệu quả hơn, bắt kịp với xu hướng giảng dạy khoa học và ngôn ngữ của	Khoa Ngoại ngữ

		Tiếng Anh		thế giới trong thế kỷ 21. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các hướng tiếp cận giáo dục song ngữ trên thế giới và giáo dục STEM trong các môn khoa học. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu kỹ về ứng dụng phương pháp CLIL trong giảng dạy các môn Khoa học để nâng cao kỹ năng tiếng Anh; lý luận và nguyên tắc dạy học bằng phương pháp CLIL; qui trình soạn và thiết kế bài giảng bằng phương pháp CLIL, bao gồm ứng dụng CNTT vào bài giảng.	
73	SG291	Phương pháp dạy Tiếng Anh cho trẻ em	3	Học phần Phương pháp dạy tiếng Anh cho trẻ em trang bị cho sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh những nguyên lý cơ bản và các phương pháp phổ biến trong dạy học tiếng Anh cho trẻ em. Qua học phần này, sinh viên hiểu rõ và có khả năng ứng dụng cũng như sáng tạo kỹ thuật dạy các kỹ năng ngôn ngữ bằng tiếng Anh cho trẻ em. Ngoài ra, sinh viên còn được tiếp cận cách vận dụng âm nhạc, các hoạt động, trò chơi, các loại hình múa rối và kịch trong giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em nhằm làm cho giờ học sinh động và tăng hiệu quả của quá trình tiếp thu ngôn ngữ ở trẻ em.	Khoa Ngoại ngữ
74	FL204	Dạy học Tiếng Anh qua nhiệm vụ và dự án	3	Học phần này giới thiệu một phương pháp dạy học được cho là hiệu quả cho giáo viên tiếng Anh với các nguyên lý và lý thuyết nền tảng của thuyết kiến tạo và các đặc điểm cơ bản của phương pháp DHQDA & DHQNV. Người học cũng sẽ nhận ra các ưu điểm cũng như các thách thức khi ứng dụng phương pháp này. Người học có cơ hội ứng dụng các kiến thức đã được trang bị vào việc lập kế hoạch và thực hiện công việc dạy học.	Khoa Ngoại ngữ
75	FL240	Phát triển năng lực tự học Tiếng Anh	2	Học phần này cung cấp kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ sư phạm tiếng Anh. Nội dung học phần giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý luận và phương pháp phát triển khả năng tự học cho người học trong giảng dạy tiếng Anh, giúp người học tự phát triển trong bối cảnh dạy học thế kỷ 21.	Khoa Ngoại ngữ

Cần Thơ, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA

Trịnh Quốc Lập

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Anh Thi

Phụ lục 1: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN